

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Giám thị 1: Tường T.N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5.6.2021 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: Tiểu học

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002		9,0	chín	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>Minh Anh</u>	10,0	Mười	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>HV</u>	10,0	Mười	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>GD</u>	8,0	Tám	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>DT</u>	8,0	Tám	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>HD</u>	9,0	chín	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>TK</u>	8,0	Tám	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>PN</u>	10,0	Mười	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>PL</u>	9,0	chín	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>NT</u>	9,0	chín	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>TT</u>	10,0	Mười	C22TA1	
12	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001		7,0	Bảy	C22TA1	
13	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>NT</u>	9,0	chín	C22TA1	
14	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996		10,0	Mười	C22TA1	
15	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>NL</u>	10,0	Mười	C22TA1	
16	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>TM</u>	10,0	Mười	C22TA1	
17	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002		8,0	Tám	C22TA1	
18	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>VL</u>	9,0	chín	C22TA1	
19	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>NV</u>	9,0	chín	C22TA1	
20	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002		9,0	chín	C22TA1	
21	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001		8,0	Tám	C22TA1	
22	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001		10,0	Mười	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi : 0 . Số bài thi : 22 / _____Số sinh viên đạt/không đạt : 22 / 0Tỷ lệ đạt : 100 , %Ngày 15 tháng 06 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 7 tháng 6 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Giám thị 1: Tuông T.N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 23.6.2021 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: trực tuyến

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002		10,0	Mười	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002		10,0	Mười	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002		10,0	Mười	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002		10,0	Mười	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002		8,0	Tám	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000		8,0	Tám	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002		8,0	Tám	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000		10,0	Mười	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000		7,0	Bảy	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002		6,0	Sáu	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999		10,0	Mười	C22TA1	
12	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001		8,0	Tám	C22TA1	
13	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002		9,0	Chín	C22TA1	
14	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996		10,0	Mười	C22TA1	
15	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002		9,0	Chín	C22TA1	
16	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001		9,0	Chín	C22TA1	
17	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002		8,0	Tám	C22TA1	
18	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999		10,0	Mười	C22TA1	
19	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002		8,0	Tám	C22TA1	
20	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002		6,0	Sáu	C22TA1	
21	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001		8,0	Tám	C22TA1	
22	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001		10,0	Mười	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 0 . Số bài thi: 22 /Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0Tỷ lệ đạt: 100, %Ngày 15 tháng 06 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 24 tháng 6 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 5.6.2021 Giờ thi: 10g30 Phòng thi: Mic tuyến

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>Anh</u>	10,0	Mười	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Thu Hà</u>	8,0	Tám	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Hân</u>	9,0	chín	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002		9,0	chín	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Huyền</u>	9,0	chín	C22TA2	
6	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	<u>Khôi</u>	10,0	Mười	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Khôi</u>	10,0	Mười	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Khương</u>	8,0	Tám	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Kim</u>	8,0	Tám	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Mai</u>	8,0	Tám	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002		8,0	Tám	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Nhi</u>	8,0	Tám	C22TA2	
13	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Thắm</u>	8,0	Tám	C22TA2	
14	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002		9,0	chín	C22TA2	
15	2010130036	Đình Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Trang</u>	7,0	Bảy	C22TA2	
16	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Uyên</u>	7,0	Bảy	C22TA2	
17	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10,0	Mười	C22TA2	
18	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10,0	Mười	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 18 vắng thi: 0 Số bài thi: 18 / _____

Số sinh viên đạt/không đạt: 18 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày 15 tháng 06 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nh

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 7 tháng 6 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu
Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 23.6.2021 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: trực tuyến

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	Anh	9,0	chín	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	Thu Hà	8,0	Tám	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	Hân	10,0	Mười	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	Huệ	9,0	chín	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	Huyền	7,0	Bảy	C22TA2	
6	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	Khôi	10,0	Mười	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	Khôi	10,0	Mười	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	Khương	9,0	chín	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	Kim	7,0	Bảy	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	Mai	6,0	Sáu	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	Nghi	7,0	Bảy	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	Nhi	6,0	Sáu	C22TA2	
13	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	Thắm	7,0	Bảy	C22TA2	
14	2010130031	Hoàng Thị Yên Thi	30/05/2002	Thi	9,0	chín	C22TA2	
15	2010130036	Đình Vũ Thùy Trang	01/08/2002	Trang	8,0	Tám	C22TA2	
16	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	Uyên	7,0	Bảy	C22TA2	
17	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	Vy	10,0	Mười	C22TA2	
18	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	Vy	10,0	Mười	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 . Số bài thi: 18 /

Số sinh viên đạt/không đạt: 18 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 25 tháng 06 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Dương Anh

Ngày 24 tháng 6 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 2 - MH1105025

Mã lớp học phần: MH110502501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 21/03/2022

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:

Giám thị 2: Trương Minh Tâm Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002					C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001					C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002					C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn Chiên	20/06/2002					C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002					C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002					C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000					C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000					C22TA2	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001					C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002						
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002					C22TA2	
12	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999					C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000					C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001					C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002					C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002					C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000					C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000					C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002					C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002					C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002						
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999					C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002					C22TA2	
24	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001					C22TA1	
25	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002					C22TA1	
26	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996						
27	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002					C22TA1	
28	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001					C22TA1	
29	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002						
30	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999					C22TA1	
31	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002					C22TA2	
32	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002						

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010130026	Nguyễn Văn Long	Thịnh	03/09/2002	<i>Thịnh</i>			C22TA1	
34	2010130036	Đình Vũ Thùy	Trang	01/08/2002	<i>Trang</i>			C22TA2	
35	2010130016	Nguyễn Thị Quyền	Trăm	25/06/2002	<i>Trăm</i>				
36	2010130005	Nguyễn Ngọc	Tuyết	13/10/2001	<i>Tuyết</i>			C22TA1	
37	2010130050	Huỳnh Trần Thái	Uyên	13/04/2002	<i>Uyên</i>			C22TA2	
38	2010130045	Lê Anh	Vy	15/06/2002	<i>Vy</i>			C22TA2	FO
39	2010130044	Lê Thảo	Vy	15/06/2002	<i>Vy</i>			C22TA2	FO
40	2010130009	Trần Phi	Yên	15/09/2001	<i>Yên</i>				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 12. Số bài thi/Số tờ: 28 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 21 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

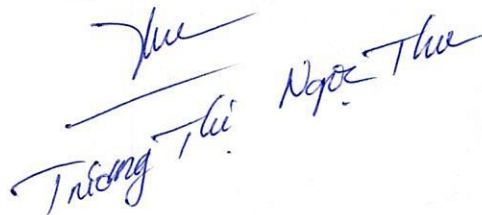


Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 21 tháng 8 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)




BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Grammar 2

Mã bài thi: S28WJO

Thời gian thi: 21/03/2022 15:15:00

Thời gian kết thúc: 21/03/2022 16:15:00

3

Giám thị 1: Đường Minh Tâm Ký tên: đm
Giám thị 2: Trần Thị Thu Ký tên: Thu
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>MA</u>	5.8	Năm, tám	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>AH</u>	4.8	Bốn, tám	C22TA2	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>HV</u>	9.4	Chín, bốn	C22TA1	
4	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>LD</u>	5.2	Năm, hai	C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Di	11/11/2002	<u>GD</u>	7.2	Bảy, hai	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>TD</u>	6	Sáu	C22TA1	
7	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>PTH</u>	6.2	Sáu, hai	C22TA1	
8	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>HL</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA2	
9	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>NTH</u>	6	Sáu	C22TA2	
10	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>DK</u>	9.2	Chín, hai	C22TA2	
11	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>BK</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
12	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>NHK</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TA2	
13	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>NTK</u>	6.8	Sáu, tám	C22TA1	
14	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>NTLK</u>	4.8	Bốn, tám	C22TA1	
15	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>PNL</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
16	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>PTCL</u>	4.8	Bốn, tám	C22TA1	
17	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>NTTM</u>	5	Năm	C22TA1	
18	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>NTTM</u>	5.8	Năm, tám	C22TA1	
19	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>TTN</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA1	
20	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>HN</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TA1	
21	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>NTK</u>	8	Tám	C22TA1	
22	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>TM</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
23	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>NLT</u>	8.8	Tám, tám	C22TA1	
24	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>NTHT</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TA1	
25	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>VLP</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
26	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>NVL</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
27	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>DVT</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA1	
28	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>HTTU</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TA2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 21 tháng 3 năm 2022
P TRƯỜNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 21 tháng 03 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc Thu